

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/05/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P3+TD2	7:25	9+13	0+0		5+17	0+0	
2		RP2+TD3+RC6	7:25	5+8+9	0+0+0		1+9+12	0+0+0	
3		JS2+BK6	7:25	22+0	0+0		21+1	0+0	
4		T.UNG	7:25	16	0		17	0	
5		RC3+P4+P3	9:25	4+9+9	0+0+0		3+7+12	0+0+0	
6		RC4+RP2	9:25	6+16	0+0		1+21	0+0	
7		RP3+RCDM	9:25	15+7	0+0		14+8	0+0	
8		RP3+RC5	11:25	15+7	0+0		13+9	0+0	
9		PPD+RP1+RP3	11:25	6+16+0	0+0+0		1+18+3	0+0+0	
10		RP2+RC3	11:25	16+6	0+0		10+12	0+0	
11		JS2+RP1+RC4	13:25	10+12+0	0+0+0		3+11+5	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1. RC4 1 NGƯỜI RA VỀ TRONG NGÀY

2. RC3 01 NGƯỜI RA VỀ TRONG NGÀY

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/05/2019	TO: P3 - TD2	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VThắng - Hạnh - DTùng	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DAVUDOV D.S	P3	46	1	4	19	66	KHOAN	Russian
2	NGUYEN VAN XUAN	P3	44	1	4	22	62	KHOAN	Vietnamese
3	VU CAO BANG	P3	43	1	5		83	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN DUC HONG*PK-PVD	P3	55	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN LUC*PK-PVD	P3	57	1	6		95	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN TAN PHUOC	P3	45	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
7	VU VAN HOA	P3	40-42	3	20		61	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG DUNG	P3	56	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN NGAN	P3	54	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	BRATCHIKOV A.S	TD2	95	1	12	70	91	KHOAN	Russian
11	VU MANH THANG	TD2	600	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
12	LE QUOC TOAN	TD2	93	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
13	BUI NGOC DUNG	TD2	12	1	4		79	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN THANH ANH	TD2	99	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN DUC DUC	TD2	91	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
16	PHAN MANH CUONG	TD2	11	1	5	22	75	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM THANH GIANG	TD2	94	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
18	VU XUAN TRUONG	TD2	96	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN HUNG HUNG	TD2	97	1	4		96	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN THANH TUNG	TD2	98	1	9		55	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN VIET TRUNG	TD2	92	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
22	VU NGOC TIEN	TD2	10	1	6	20	72	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	9	11	62	651	41	5		
2	TD2	13	13	72	948	112	17		
TOTAL		22	24	134	1.599	153	22		
WEIGHT KG				134	1.599	153			

GRAND TOAL: 1.886 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/05/2019	TO: RP2 - TD3 - RC6	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hòì TA UONG - Luy	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC KHANG	RP2	53	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
2	TARASENKO ALEK XAY	RP2	56	1	7		70	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN VĂN LIÊM	RP2	52	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	54	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ QUANG ANH HUNG	RP2	55	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN BINH MINH	TD3	66-67	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
7	KHALIMOV AIDAR	TD3	70	1	7		92	KH-THAC	Russian
8	BUI SY HIEU	TD3	69	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	LUÔNG XUÂN THANH	TD3	71	1	5	40	70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN TRỌNG MẠNH	TD3	65	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN THUC	TD3	64	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANH LUAN	TD3	74-76	3	10		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NAM SON	TD3	68	1	10		82	GETRACO	Vietnamese
14	NGUYEN DINH NGU	RC6	74	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	TRINH VAN TIEN	RC6	76	1	4		81	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐO QUỐC HUY	RC6	75	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
17	DƯƠNG NHẬT THANH	RC6	77	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG TRỌNG BAI	RC6	78	1	5	70	70	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ HỒNG LINH	RC6	87	1	8	20	75	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ CHÍ CÔNG	RC6	82	1	10		50	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN QUỐC TRI	RC6	81	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VIET HA	RC6	79-80	2	17		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

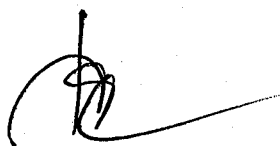
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	5	5	26	351	0	1		
2	TD3	8	11	66	589	40	9		
3	RC6	9	10	74	641	90	12		
TOTAL		22	26	166	1.581	130	22		
WEIGHT KG				166	1.581	130			

GRAND TOAL: 1.877 KGS

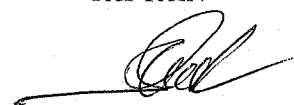
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/05/2019	TO: JS2 - BK6	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - THU	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ QUANG CƯỜNG	JS2	73	1	7		83	KHOAN	Vietnamese
2	MICHAEL PATRICK	JS2	76	1	15		85	KHOAN	Indian
3	PARK JEROME	JS2	77-78	2	14		107	KHOAN	Indian
4	NGUYEN VAN CANH	JS2	38-39	2	10		66	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN THAI HOP	JS2	34	1	6		57	KHOAN	Vietnamese
6	VU THE DUNG	JS2	75	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
7	DANG VAN THUC	JS2	43	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
8	DO NGOC TU	JS2	40	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
9	DANG THE THANH	JS2	41	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
10	TA NGOC HA	JS2	36	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
11	HUYNH KIM TRI	JS2	36	1	9		65	KHOAN	Vietnamese
12	BUI ANH DUC	JS2	35	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
13	BUI CAO HUY	JS2	937	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN CONG TRUONG	JS2	37	1	7	50	68	KHOAN	Vietnamese
15	PHAN DINH GIAP	JS2	44	1	10		88	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN DINH AN	JS2	45-46	2	13		60	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN DAI DUONG	JS2	35	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
18	HUYNNH VAN TRUNG	JS2	74	1	9		95	KHOAN	Vietnamese
19	PHAM VAN THU	JS2	72	1	11		63	KHOAN	Vietnamese
20	LUONG HUNG TRIET	JS2	38	1	15		70	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ HUYNH TRUNG	JS2	71	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
22	LÊ TRUNG SON	JS2	42	1	5		77	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	22	25	187	1.614	50	21		
2	BK6	0	0	0	0	50	1		
TOTAL		22	25	187	1.614	100	22		
WEIGHT KG				187	1.614	100			

GRAND TOAL: 1.901 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/05/2019	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:25
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HLONG - MTiến	ETA: 10:40
-XANH-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM MINH TUÂN	BK THIE	17-18	2	8		71	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM HỒNG SƠN	BK THIE	16	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG TUYẾN	BK THIE					63	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI TRỌNG SƠN	BK THIE	05	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH TRI	BK THIE	14	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
6	KHÔNG THAI BÌNH	BK THIE	02	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THANH TÙNG	BK THIE	04	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	LE QUỐC TIẾN	BK THIE	13	1	4	95	69	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ TIẾN VINH	BK THIE	15	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN CHÍNH	BK THIE	03	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH NAM	BK THIE	07	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
12	K LY	BK THIE	19	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ QUANG THÔNG	BK THIE					69	KH-THAC	Vietnamese
14	GIANG TRUNG HIỆU	BK THIE	06	1	5		102	KH-THAC	Vietnamese
15	LE QUY TOÀN	BK THIE	08,10-11	3	19		56	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRUNG HIỆU	BK THIE	12	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

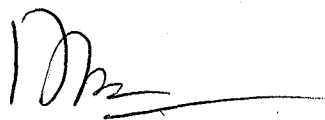
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	16	17	82	1.124	95	17		
	TOTAL	16	17	82	1.124	95	17		
	WEIGHT KG			82	1.124	95			

GRAND TOAL: 1.301 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN


FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/05/2019	TO: RC3 - P4 - P3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: VThắng - Hạnh - DTùng	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ LÊ TRUNG	RC3	51	1	5	16	67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGÔ KHANH NAM	RC3	54	1	5	40	76	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ HIỆP PHU	RC3	50	1	2		52	ANTOAN	Vietnamese
4	TRẦN VĂN TINH	RC3	52-53	2	17		64	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN XUÂN MAI	P4	38-39	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
6	TÀ QUỐC CHÍNH	P4	42,44	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ VĂN TÙNG	P4	34	1	9		59	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ XUÂN LẬP	P4	29	1	11		69	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐÀO QUYẾT THẮNG	P4	32-33	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN BA QUÝ	P4	30-31	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM BA HOÀNG	P4	40-41	2	19		64	XAYLAP	Vietnamese
12	BUI TRỌNG HỘI	P4	37	1	11		69	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI VĂN CHUNG	P4	35-36	2	14		51	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM XUÂN HUY	P3	400	1	2	15	65	KHOAN	Vietnamese
15	NG ĐÌNH CUÔNG*TD-PVDT	P3	30	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN HUY HÙNG	P3	29	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG HUE	P3	77	1	11		60	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN HUU LUAN	P3	21	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
19	ĐOÀN VĂN KHUU	P3	60	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ HOÀI THIÊN	P3	56	1	12		79	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN QUYNH	P3	24	1	5	16	65	GETRACO	Vietnamese
22	VŨ THÀNH TIẾN	P3	25-26	2	7		51	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	4	5	29	259	56	3		
2	P4	9	15	132	589	0	7		
3	P3	9	10	65	585	31	12		
TOTAL		22	30	226	1.433	87	22		
WEIGHT KG				226	1.433	87			

GRAND TOAL: 1.746 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/05/2019	TO: RC4 - RP2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Hồi - TRƯỜNG - Luy	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN KHOA TRƯỜNG	RC4	04	1	4	60	75	NIPI	Vietnamese
2	TRẦN QUANG BÌNH	RC4	53-54	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRUNG TIN	RC4	07,67	2	17		90	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH LỘC	RC4	06	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
5	HUYNH MINH TRI	RC4	55	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC VIỆT	RC4	56,05	2	10		50	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN DOAN BÌNH	RP2	58	1	5		75	YTE	Vietnamese
8	PHAN TÂN TÀI	RP2					67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN DUY HÙNG	RP2	61	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOÀN VĂN THIÊM	RP2	66	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	64	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HÙNG CUÔNG	RP2	59	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HIỆU	RP2	62	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ LAM	RP2					50	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG NGOC LAN	RP2					82	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM TRUNG KIẾN	RP2					70	KH-THAC	Vietnamese
17	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	57	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI QUANG THUẬN	RP2	67	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐO VĂN DŨNG	RP2	60	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐO ĐỨC CUÔNG	RP2					74	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	65	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN ĐỨC TRƯỜNG	RP2	63	1	4		47	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	6	9	58	403	60	1		
2	RP2	16	11	53	1.070	0	21		
TOTAL		22	20	111	1.473	60	22		
WEIGHT KG				111	1.473	60			

GRAND TOAL: 1.644 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/05/2019	TO: RP3 - RCDM	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - THU	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE VIET HUNG	RP3	31	1	5		70	PSV	Vietnamese
2	NGUYEN GIA THIEN	RP3	56	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
3	LE TRONG LINH	RP3	57	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
4	DU TRAN HUNG	RP3	58	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THANH TUNG *TT	RP3	59	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
6	DO QUANG TO	RP3	60	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN SY DIEP	RP3	61	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐANG HAI HA	RP3	62	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM QUOC CHE	RP3	63	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM DUY NHIEN	RP3	64	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN QUY HAI	RP3	65-66	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN KIM SON	RP3	67	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM VAN DONG	RP3	68	1	8	18	70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRI CHUNG	RP3	69	1	3		53	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN VAN MINH	RP3	70	1	7		85	YTE	Vietnamese
16	PHAN ANH DONG	RP3	71	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN LA	RCDM				75	73	KH-THAC	Vietnamese
18	VO VAN THANH	RCDM	01	1	4		69	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN VIET BANG	RCDM	02	1	13		63	KH-THAC	Vietnamese
20	VU QUANG TUYEN	RCDM	03	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM VAN THUAN	RCDM	04	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐANG VAN THANH	RCDM	05	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	16	17	104	1.121	18	14		
2	RCDM	6	5	36	410	75	8		
TOTAL		22	22	140	1.531	93	22		
WEIGHT KG				140	1.531	93			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/05/2019	TO: RP3 - RC5	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTHAO - Huy	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG CHUNG THUY	RP3	08	1	9		64	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG VAN HOI	RP3	03	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HUU MAU	RP3	04-05	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TAN TRONG	RP3	02	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THANH BINH	RP3	13	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐINH QUANG THANH	RP3	14	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
7	CAO ĐỨC THANH	RP3	07	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HIEN	RP3	11	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
9	HUYNH TAN NGON	RP3	10	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN HAI HA *TT	RP3	01	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN TIẾN	RP3	12	1	2		74	KH-THAC	Vietnamese
12	VÔ THANH LAM	RP3	15	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC CHAN	RP3	06	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM HỒNG LINH	RP3	37	1	3		74	KHI	Vietnamese
15	CAO THANH HỢP	RC5	56	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
16	VÔ VĂN ĐÔNG	RC5	60	1	3	65	71	KH-THAC	Vietnamese
17	HUYNH MINH SANG	RC5	61	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN CÔNG HUNG	RC5					55	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐINH VĂN LIÊN	RC5	57	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN NAM TRUNG	RC5	58	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TIEN HONG	RC5	59	1	4		52	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	14	15	76	972	0	13		
2	RC5	7	6	24	452	65	9		
TOTAL		21	21	100	1.424	65	22		
WEIGHT KG				100	1.424	65			

GRAND TOAL: 1.589 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/05/2019	TO: PPD - RP1 - RP3	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:35
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: TTrung - Hôi - Luy	ETA: 13:15
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG ĐẠI	PPD	07	1	5		72	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC PHONG	PPD	05	1	5		60	D-HANH	Vietnamese
3	VU VAN SON	PPD	04	1	10		60	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN MINH	PPD	06	1	5		85	KHI	Vietnamese
5	KYREEV	PPD	08	1	6		92	NIPI	Russian
6	CHERNIADEV	PPD	09	1	10		70	NIPI	Russian
7	LE HUY TAM	RP1	70-71	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG BA ĐIỀU	RP1	69	1	5		59	YTE	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH HAI	RP1	76	1	10		59	KH-THAC	Vietnamese
10	ZAKHARIN SERGEY	RP1	80	1	10		105	KH-THAC	Russian
11	TRẦN TUẤN ANH	RP1	72	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐO ĐỨC VƯỢNG	RP1	78	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI VĂN THAI	RP1	81	1	7	35	70	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI NGỌC LONG	RP1	79	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRƯƠNG CÔNG THANH	RP1	82	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI MINH ĐƯƠNG	RP1	67	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG VU NHẬT VINH	RP1					72	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ TRI KHANH	RP1	75	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN NANG	RP1	68	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN TRỌNG HIỂU	RP1	83	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
21	HA QUỐC HOÀN	RP1	73-74	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN QUANG THÔNG	RP1	77	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	6	6	41	439	0	1		
2	RP1	16	17	104	1.150	35	18		
3	RP3	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	23	145	1.589	35	22		
WEIGHT KG				145	1.589	35			

GRAND TOAL: 1.769 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/05/2019	TO: RP2 - RC3	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:40
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: HUNG - Linh - THU	ETA: 13:20
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU HUU QUAN	RP2	68	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN XUAN SAU	RP2	74	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	LE DUC OANH	RP2					70	KH-THAC	Vietnamese
4	VO HOANG CAM	RP2	71	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
5	LE CHI CONG	RP2	77	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN QUANG VINH	RP2	72	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	DOAN KIM NGAN	RP2	70	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	LE VIET TRUONG	RP2	69	1	5	35	65	KH-THAC	Vietnamese
9	LUONG NGOC THANH	RP2	76	1	5		100	KH-THAC	Vietnamese
10	VU BA THUAN	RP2	73	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	VU DUC SANG	RP2	79	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI XUAN TRUONG	RP2	78	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
13	LE VAN TIET	RP2	80	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN THANH TUAN	RP2	75	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN VAN DAT	RP2	81	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐANG THANG LONG	RP2	82-83	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
17	DUONG MINH KHANH	RC3	76	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM THE MANH	RC3					72	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG VAN THANG	RC3	77-78	2	17		60	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐAO XUAN THO	RC3	74	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐAU VAN XUAN	RC3	75	1	5	15	60	KH-THAC	Vietnamese
22	KIEU TUAN ANH	RC3	73	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	16	16	96	1.104	35	10		
2	RC3	6	6	37	382	15	12		
TOTAL		22	22	133	1.486	50	22		
WEIGHT KG				133	1.486	50			

GRAND TOAL: 1.669 KGS

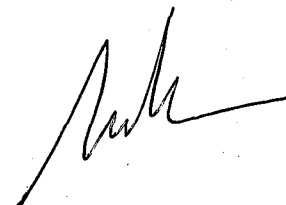
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/05/2019	TO: JS2 - RP1 - RC4	AIRCRAFT: 846	ETD: 13:30
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTHAO - Huy	ETA: 15:10
CAM-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ THANH TÚ	JS2	05	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
2	NGÔ TRI HOANG	JS2	04	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG HOAN	JS2	02-03	2	15	12	67	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM HỒNG QUÝ	JS2	06	1	9	60	67	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ ANH TRỌNG	JS2	07	1	15		65	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HIẾU	JS2	01	1	15		81	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN MẠNH CUÔNG	JS2	08	1	18		81	XAYLAP	Vietnamese
8	NGÔ TRUNG KIẾN	JS2	13-15	3	18		72	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN VĂN PHÚC	JS2	09	1	12		72	XAYLAP	Vietnamese
10	NGÔ ĐÌNH NHẬT MINH	JS2	10-11	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐO VĂN THANH	RP1	41	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP1	34	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÌNH VĂN MẠNH	RP1	37	1	4		83	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM BA TÀI	RP1	40	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
15	TẠNG THANH DÂN	RP1	42	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TOÀN	RP1	38	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
17	TÔ NGUYỄN MINH KHÔI	RP1	43	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
18	LY BĂNG *	RP1	32	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ BA NẾP	RP1	33	1	12		64	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐÌNH VĂN THÔNG	RP1	36	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
21	NG. ĐÌNH THÂM	RP1	39	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG ĐÌNH HOA	RP1	35	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	10	14	132	720	72	3		
2	RP1	12	12	88	845	0	12		
3	RC4	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	26	220	1.565	72	20		
WEIGHT KG				220	1.565	72			

GRAND TOAL: 1.857 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/05/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK9+TD5	7:25	3+19	0+0		3+17	0+0	
2		TD3+PPD+P7	7:25	17+0+5	0+0+0		11+5+6	0+0+0	
3		CTK3+GTCl+BK14	7:25	11+4+7	0+0+0		9+0+13	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ CTK3-GTCl
4		HST+AMD	9:25	7+15	0+0		5+17	0+0	
5		PPD	9:25	22	0		21	0	
6		RP2+VSP02	9:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
7		VSP02+BK5+P5	11:25	15+6+0	0+0+0		12+0+10	0+0+0	
8		AMD+P4+CNV	11:25	12+3+7	0+0+0		5+2+6	0+0+0	
9		BK9+CTK3	11:25	3+19	0+0		3+18	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1. BK9 01 ĐVL RA VỀ TRONG NGÀY.

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/05/2019	TO: BK9 - TD5	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐTuấn - PTUẤN	ETA: 09:10
xanh-1			

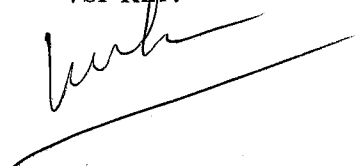
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	OZEROV VITALIY	BK9	61	1	5	90	90	DVL	Russian
2	LUU VAN SON	BK9					80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN LIEU	BK9	60	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
4	ALEKSANDROV A.A	TD5					90	KHOAN	Russian
5	VANEEV D.V	TD5	090	1	12		100	KHOAN	Russian
6	NGUYEN DUY TAM	TD5	76	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TAN VINH	TD5	094-096	3	17		80	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN BINH	TD5	73	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
9	BUI KIM DAT*PK-PVD	TD5	97	1	12		72	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN THANH	TD5	98	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN DUC THINH	TD5	99	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN HIEN	TD5	72	1	2	15	67	KHOAN	Vietnamese
13	LAM VAN HANH	TD5	96	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
14	TRUONG MINH TIEN* PVD	TD5	74	1	6		50	KHOAN	Vietnamese
15	TRINH DUY THANH	TD5	78-80	3	12		75	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN ANH DUC	TD5	71	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN DONG	TD5	092	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
18	TÀ BA HOAN	TD5	75	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN THUONG VU	TD5	091	1	10		92	KHOAN	Vietnamese
20	VU ANH HIEU	TD5	093	1	15		60	SCHLUMBE	Vietnamese
21	TÀ HOAI TRANG	TD5	77	1	10		75	ANTOAN	Vietnamese
22	TRAN VAN DU	TD5	95	1	3		60	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

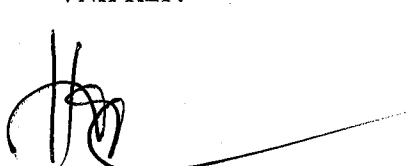
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	3	2	12	245	90	3		
2	TD5	19	22	144	1.323	15	17		
TOTAL		22	24	156	1.568	105	20		
WEIGHT KG				156	1.568	105			

GRAND TOAL: 1.829 KGS

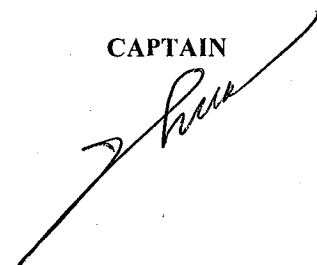
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/05/2019	TO: TD3 - PPD - P7	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: VThắng - Khang - DTùng	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN HIẾU	TD3	85	1	20	20	75	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TRUNG	TD3	83	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ ANH XUÂN	TD3					71	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN HAI NAM	TD3					69	KHOAN	Vietnamese
5	VU TIEN DUNG	TD3					65	KHOAN	Vietnamese
6	BUI HUU VUNG	TD3	80	1	8		85	KHOAN	Vietnamese
7	ĐOÀN QUANG BẠC	TD3	36	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
8	NGÔ VĂN KIEM	TD3	86	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
9	ĐỖ THANH HAI	TD3	78	1	4		85	KHOAN	Vietnamese
10	CHU VĂN THẮNG	TD3	37	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
11	LIU VAN SON	TD3	84	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN PHI HÙNG	TD3	79	1	2		82	KHOAN	Vietnamese
13	HOÀNG VĂN THƯỜNG	TD3	35	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
14	ĐINH BAO CUÔNG	TD3	82	1	12		64	PVD	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC HOA	TD3	81	1	14	13	65	PVD	Vietnamese
16	LÊ SY ĐỨC	TD3	38-39	2	10		70	ANTOAN	Vietnamese
17	TRẦN TIEN DUNG	TD3	77	1	12		62	ANTOAN	Vietnamese
18	LÊ VĂN THOÀ	P7	29	1	10		76	CODIEN	Vietnamese
19	LÊ HUY BẠC	P7	27	1	10	24	70	CODIEN	Vietnamese
20	PHẠM TIEN CUÔNG	P7	28	1	11		74	CODIEN	Vietnamese
21	VƯƠNG ĐỨC TRỌNG	P7	30	1	5		72	CODIEN	Vietnamese
22	ĐẶNG TIEN TOAN	P7	31	1	9		67	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	17	15	113	1.204	33	11		
2	PPD	0	0	0	0	0	5		
3	P7	5	5	45	359	24	6		
TOTAL		22	20	158	1.563	57	22		
WEIGHT KG				158	1.563	57			

GRAND TOAL: 1.778 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/05/2019	TO: CTK3 - GTC1 - BK14	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - Năm	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM XUÂN HÒA	CTK3	20	1	5		75	YTE	Vietnamese
2	HOÀNG THANH HÒA	CTK3	87	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI TIEN DUNG	CTK3	86	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	VU CONG KHANG	CTK3	91	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN ĐUC HUNG	CTK3	90	1	9		56	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN ANH ĐUC	CTK3	89	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐO VAN TRI	CTK3	79	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN XUAN MINH	CTK3	78	1	3		52	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI VAN BAC	CTK3	85	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐAO THE HUNG	CTK3	88	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN XUAN THANH	CTK3	83-84	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN ĐUC	GTC1	21	1	11	90	79	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM TRUNG HIEU	GTC1	22	1	17	40	67	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ THANH BINH	GTC1	19	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM HONG PHONG	GTC1	20	1	13		59	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN CUONG	BK14	61	1	7		50	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DINH THINH	BK14	62	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ ANH TUAN	BK14	60	1	5	55	86	KH-THAC	Vietnamese
19	LUONG TUAN ANH	BK14	59	1	14		86	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HUU SY	BK14	63	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM NGOC NINH	BK14	58	1	4		76	PSV	Vietnamese
22	DINH VAN LUU	BK14	57	1	7		50	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	11	12	58	695	0	9+1		CHUYEN 1 PAX TU CTK3 SANG GTC1
2	GTC1	4	4	48	267	130	0		
3	BK14	7	7	49	480	55	13		
TOTAL		22	23	155	1.442	185	22		
WEIGHT KG				155	1.442	185			

GRAND TOAL: 1.782 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/05/2019	TO: HST - AMD	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐTuấn - PTUẤN	ETA: 11:10
xanh-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU ANH HUNG	HST	01-03	3	15		80	TLJOC	Vietnamese
2	DAO NGOC QUYEN	HST	99-900	2	12		70	TLJOC	Vietnamese
3	PHAM DUY CHUNG	HST	96-97	2	8		72	TLJOC	Vietnamese
4	PHAM VAN THUY	HST	93	1	10		75	TLJOC	Vietnamese
5	NGUYEN BA QUAN	HST	94-95	2	12		78	KH-THAC	Vietnamese
6	LE VAN PHANG	HST	91-92	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
7	VO TRUNG HIEU	HST	98	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN DUY LAM	AMD	95	1	10		70	HLJOC	Vietnamese
9	NGUYEN VO BA LINH	AMD	89-90	2	12		68	HLJOC	Vietnamese
10	TANG TIEN TOAN	AMD	84-85	2	15		80	HLJOC	Vietnamese
11	NGUYEN ANH DUY	AMD	86	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN LE HOA	AMD	83	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	YA LOC	AMD	96	1	5	90	75	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN NGOC PHUC	AMD	91	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN THUY	AMD	99	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN MANH HA	AMD	97	1	10		55	KH-THAC	Vietnamese
17	DAO CONG BINH	AMD	92-93	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TRAN QUOC KHANG	AMD	48-49	2	17		60	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM VIET DEC	AMD	98	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN DEC NHA	AMD	87	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN HUU DANG	AMD	94	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI SY QUYEN	AMD	88	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HST	7	13	75	520	0	5		
2	AMD	15	19	123	1.016	90	17		
TOTAL		22	32	198	1.536	90	22		
WEIGHT KG				198	1.536	90			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/05/2019	TO: PPD - JS2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: VThắng - Khang - DTùng	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN THANH	PPD	10	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	PPD	21	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH TRUNG	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN VĂN THUẬN	PPD	99	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN VINH	PPD	25	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN VĂN ĐƯƠNG	PPD	18	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HUY HOÀNG	PPD					87	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH NAM	PPD					72	KH-THAC	Vietnamese
9	TRỊNH VĂN NHA	PPD	19-20	2	8		69	KH-THAC	Vietnamese
10	DUYNG TRUONG LAM	PPD	15	1	5	30	68	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN VĂN THẮNG	PPD	23	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	PPD	22	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
13	TÔ QUANG HUY	PPD	24	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ XUÂN HÀ	PPD	200	1	11		52	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC CÚ	PPD	11	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGÔ SÁCH ĐỨC	PPD	12	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN ĐOÀN HƯƠNG	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ SỸ KHOA	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ XUÂN MINH	PPD	26	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	PPD	28	1	10	165	74	CODIEN	Vietnamese
21	LAM NHỰT MINH	PPD	27	1	12		65	CODIEN	Vietnamese
22	PHẠM NGỌC HÒA	PPD	13-14	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	19	116	1.512	195	21		
2	JS2	0	0	0	0	0	1		
	TOTAL	22	19	116	1.512	195	22		
	WEIGHT KG			116	1.512	195			

GRAND TOAL: 1.823 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/05/2019	TO: RP2 - VSP02	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: HÙNG - MTHAO - Năm	ETA: 11:20
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TRỌNG	RP2	86-87	2	16		79	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN NGHI	RP2	88	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN DUY KHANH	RP2	89-90	2	12	80	79	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC HÙNG	RP2	91	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
5	EDUARD YANDYAN	VSP02	89	1	14		82	KH-THAC	Russian
6	NGUYỄN VĂN QUÂN	VSP02	01	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG BÌNH	VSP02	12-13	2	8		67	YTE	Vietnamese
8	BODAN KARPENKO	VSP02	91	1	15		85	KH-THAC	Russian
9	GEFTMAN M.R	VSP02	90	1	5		105	KH-THAC	Russian
10	LÊ VĂN HIỆP	VSP02	02	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN MINH TUÂN THỊNH	VSP02	95	1	3		87	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN ĐỒNG	VSP02					72	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ DUY HOÀN	VSP02	105	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN TUỆ	VSP02	92	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN LÊ MINH TUÂN	VSP02	97	1	7		93	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	VSP02	96	1	5	30	65	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP02	41	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN BÌNH	VSP02	94	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN LƯƠNG HÀ	VSP02	702	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
20	NGÔ ĐỨC TRI	VSP02	05	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN DUY PHÚC	VSP02	401	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	4	6	47	292	80	0		
2	VSP02	17	17	106	1.276	30	22		
TOTAL		21	23	153	1.568	110	22		
WEIGHT KG				153	1.568	110			

GRAND TOAL: 1.831 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/05/2019	TO: VSP02 - BK5 - P5	AIRCRAFT: 846	ETD: 12:00
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Hồi - Linh - MQUÂN	ETA: 14:00
XANH-3			

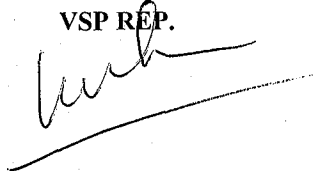
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN GIA KHÁNH	VSP02	36-37	2	16		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN GIANG	VSP02	29	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN GIA LONG	VSP02					63	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN CÔNG QUÂN	VSP02	31	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN THẾ CUÔNG	VSP02	30	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	VSP02	35	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH DÂN	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN THANH MAI	VSP02	23	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN PHU	VSP02	25	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	LƯƠNG QUANG TUYẾN	VSP02	34	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN QUANG	VSP02	33	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	32	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HUY THÔNG	VSP02	26-27	2	5		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THẾ VINH	VSP02	24	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ MẠNH HÙNG	VSP02	28	1	12		75	ANTOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐẠI HAI	BK5	06-07	2	17		74	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH HOÀN	BK5	05	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	BK5	08-09	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN ĐĂNG	BK5	01-02	2	15		50	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN THAI THANH	BK5	03-04	2	15		53	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HIỆN	BK5	63	1	5		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

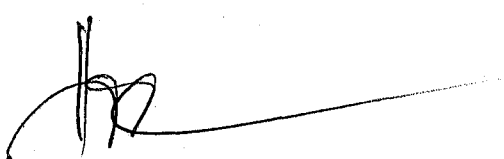
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	15	15	90	1.034	0	12		
2	BK5	6	10	81	379	0	0		
3	P5	0	0	0	0	20	10		
TOTAL		21	25	171	1.413	20	22		
WEIGHT KG				171	1.413	20			

GRAND TOAL: 1.604 KGS

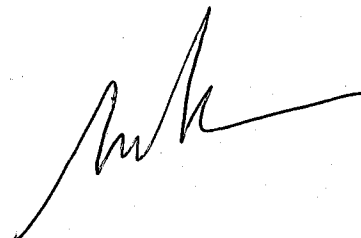
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/05/2019	TO: BK9 - CTK3	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - Năm	ETA: 14:00
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TRƯỜNG AN	BK9	67	1	5	30	80	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÀO ĐỨC THẮNG	BK9	18	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI ĐỨC KHANH	BK9					62	PSV	Vietnamese
4	ĐOÀN NGỌC THƯỜNG	CTK3	85	1	5	35	75	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM CÔNG ƯỚC	CTK3	77	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THIÊN TOÀN	CTK3	79	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG CHUÔNG	CTK3	84	1	2		62	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VIỆT HUNG	CTK3	89	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI MINH HAI	CTK3	90	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG ĐÌNH THẮNG	CTK3	87-88	2	19		74	KH-THAC	Vietnamese
11	VÕ NGỌC CHÍNH	CTK3	86	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÌNH QUANG HOÀN	CTK3					68	KH-THAC	Vietnamese
13	TRƯỜNG VĂN HAI	CTK3	78	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN PHÚC PHƯỢNG	CTK3	82	1	2		76	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT LONG	CTK3	81	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN TRUNG KIẾN	CTK3	93	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM NGỌC CHIẾN	CTK3	80	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN VĂN CHUYỀN	CTK3	83	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TỊNH	CTK3	76	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
20	DO VĂN THAO	CTK3	75	1	12		74	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN DUY THÔNG	CTK3	91	1	5		79	ANTOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN BAO	CTK3	92	1	5		62	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	3	2	10	210	30	3		
2	CTK3	19	19	107	1.341	35	18		
TOTAL		22	21	117	1.551	65	21		
WEIGHT KG				117	1.551	65			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/05/2019	TO: AMD - P4 - CNV	AIRCRAFT: 846	ETD: 14:30
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Hôi - Linh - MQUÂN	ETA: 16:30
XANH-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGOC ĐỨC	AMD	61	1	6		86	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG ANH SƠN	AMD	59	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
3	DƯƠNG MINH QUAN	AMD	64-65	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI QUANG HẠNH	AMD	57	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VIỆT HẠNH	AMD	56	1	7		49	KH-THAC	Vietnamese
6	QUÁCH SỸ NGUYỄN	AMD	66	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN XUÂN HÙNG	AMD	58	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HẠNH	AMD	51-52	2	14		51	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ CHIẾN THẮNG	AMD	55	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG VĂN GIANG	AMD	53-54	2	18		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN THỊ	AMD	60	1	5	5	60	PSV	Vietnamese
12	HOANG MINH HAI	AMD	62-63	2	15	30	77	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI VĂN TRI	P4	45	1	7		67	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ CANH TU	P4	47	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐO VĂN CÔNG	P4	46	1	7		78	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN ANH HÙNG	CNV					81	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	CNV	32	1	4	65	70	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐINH VĂN SƠN	CNV	33	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
19	PHÙNG VĂN KHANH	CNV	29	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN NGỌC TRI	CNV					67	KH-THAC	Vietnamese
21	VU QUANG HAI	CNV	31	1	15		78	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐÀU ĐỨC NGỌC	CNV	30	1	4		92	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	12	16	107	776	35	5		
2	P4	3	3	26	205	0	0		
3	CNV	7	5	34	537	65	6		
TOTAL		22	24	167	1.518	100	11		
WEIGHT KG				167	1.518	100			

GRAND TOTAL: 1.785 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/05/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CL1+P2+BK9	7:25	7+15+0	0+0+0		0+16+6	0+0+0	
2		P2+BK3	7:25	18+4	0+0		16+3	0+0	
3		P9+C10	7:25	22+0	0		16+6	0	
4		BK10+TD1+RC5	9:25	8+12+0	0+0+0		8+7+4	0+0+0	
5		BK6+P4+P11	9:25	6+12+4	0+0+0		1+15+0	0+0+0	
6		TD2+P10+TD3	9:25	15+0+5	0+0+0		8+1+12	0+0+0	CHUYỂN 2 PAX TỪ TD2-TD3
7		P10+CL1	1125	22+0	0+0+0		12+10	0+0+0	
8		BK4+BK3+P9	1125	7+4+7	0+0+0		5+4+1	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/05/2019	TO: CLI - P2 - BK9	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: <i>Hanh Dong - Vu</i>	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN VINH *	CLI					75	D-HANH	Vietnamese
2	TRIANDOFILIDI Y.I	CLI					92	D-HANH	Russian
3	ĐOÀN THỊNH LUÔNG	CLI					50	D-HANH	Vietnamese
4	MIRSAYAPOV R.R	CLI	40	1	5		100	D-HANH	Russian
5	NGUYỄN ĐẶNG NGỌC NAM	CLI					75	D-HANH	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN LAM	CLI	41	1	8		90	D-HANH	Vietnamese
7	CAO VĂN HÙNG	CLI	39	1	10		65	D-HANH	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN DUÂN	P2	98-99	2	10		67	KHI	Vietnamese
9	LÝ XUÂN TRUNG	P2	96-97	2	10		66	YTE	Vietnamese
10	AFANASEV	P2	200	1	9		97	KH-THAC	Russian
11	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P2	89	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM SY HIỆP	P2	90	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÀO VĂN ĐỨC	P2	95	1	5	70	70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
15	CAO VĂN ĐÀU	P2	88	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THẾ ANH	P2	91	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU PHI	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
18	DƯƠNG VĂN THUẬN	P2	89	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM MINH DƯƠNG	P2	94	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ VĂN THỌ	P2	87	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ TUẤN VŨ	P2	93	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ ANH VŨ	P2	92	1	13		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	7	3	23	547	0	0		
2	P2	15	15	90	1.083	70	16		
3	BK9	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	18	113	1.630	70	22		
WEIGHT KG				113	1.630	70			

GRAND TOAL: 1.813 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/05/2019	TO: P2 - BK3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Khang - HIẾU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DUY NGỌC	P2	58	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HIẾU	P2	62	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P2	65	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM NGỌC QUY	P2	66-67	2	20		78	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ THANH LONG	P2	55	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN ĐO	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÀO QUANG THIẾT	P2	71	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM THANH KIM	P2	70	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN THANH SƠN	P2	72	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ NGỌC THĂNG	P2	60	1	12		85	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN THUY	P2	61	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
12	TU TUÂN TU	P2	68-69	2	19		82	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH PHONG	P2	63	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM TUÂN VIỆT	P2	64	1	11		90	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM TỬ ANH	P2	52	1	5		71	CODIEN	Vietnamese
16	BUI MINH TRI	P2	56-57	2	12		81	T-TIN	Vietnamese
17	NGUYỄN HAI TRUNG	P2	59	1	6		55	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC TUÂN	P2	53-54	2	9		78	DK9	Vietnamese
19	TRẦN THỰC LỢI	BK3	35	1	5	35	66	D-HANH	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG THĂNG	BK3					75	D-HANH	Vietnamese
21	VŨ DUY KHUÔNG	BK3	36	1	9		61	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	BK3	34	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	18	21	143	1.317	0	16		
2	BK3	4	3	17	272	35	3		
TOTAL		22	24	160	1.589	35	19		
WEIGHT KG				160	1.589	35			

GRAND TOAL: 1.784 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/05/2019	TO: P9 - CLO	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HUNG - MMinh - THU	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VASIANKIN	P9	88	1	14		120	KH-THAC	Russian
2	YAKIMIDI	P9	83	1	5		97	KH-THAC	Russian
3	LE VAN LOI	P9	83	1	3		68	YTE	Vietnamese
4	PHAM DUC BINH	P9	79-80	2	19		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN HOANG	P9	87	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
6	LE MINH THUY	P9					69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN BA KY	P9					81	KH-THAC	Vietnamese
8	VO VAN THOI	P9	82	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO AN CHUNG	P9	75	1	5	35	66	KH-THAC	Vietnamese
10	DAO THIEN THUAT	P9	76	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VIET THANG	P9					72	KH-THAC	Vietnamese
12	LE MINH THUY	P9	77	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI NGOC THAN	P9	90	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VIET CUONG	P9	81	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM DUC TAI	P9	74	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
16	LE NGOC THANH	P9	69	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN QUOC DUNG	P9	73	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN VAN HAI	P9	78	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN VAN DUNG	P9	70	1	3		53	KH-THAC	Vietnamese
20	HO SY BINH	P9	71	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC LUONG	P9	89	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN VAN HA	P9	72	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	22	20	118	1.595	35	16		
2	CLO	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	20	118	1.595	35	22		
WEIGHT KG				118	1.595	35			

GRAND TOAL: 1.748 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/05/2019	TO: BK10 - TD1 - RC5	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Hạnh - DUONG - Vũ	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK10	87	1	4	50	85	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ XUÂN THUY	BK10	88	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ TRỌNG LINH	BK10	91-92	2	19		78	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO TUÂN HUNG	BK10	90	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN CÔNG THANH	BK10	85	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUANG QUYÊN	BK10	86	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐINH TÙNG LAM	BK10	93-94	2	12	23	60	T-TIN	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH SƠN	BK10	89	1	7		77	PSV	Vietnamese
9	FOK S.I	TD1	31	1	5		124	KHOAN	Russian
10	SHERBAKOV M.IU	TD1	33	1	10		95	KHOAN	Russian
11	ZHARKOV A.V	TD1	35	1	7		127	KHOAN	Russian
12	ZADOROZHNY V.E	TD1	34	1	5		95	KHOAN	Russian
13	HỒ NGỌC BÈN	TD1	25	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH VĂN TAM	TD1	36	1	11	35	62	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN LÊ ĐĂNG QUANG	TD1	26	1	12		85	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN KHÁC THANH CHUNG	TD1	27-28	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐO VĂN TRƯỞNG	TD1	29-30	2	15		64	KH-THAC	Vietnamese
18	THAI QUỐC CƯỜNG	TD1	24	1	8		50	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HỒNG PHƯỚC	TD1	21	1	7		70	ANTOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN HOANG LONG	TD1	22-23	2	16		62	DMC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	8	10	60	574	73	8		
2	TD1	12	15	117	978	35	7		
3	RC5	0	0	0	0	15	4		
TOTAL		20	25	177	1.552	123	19		
WEIGHT KG				177	1.552	123			

GRAND TOAL: 1.852 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/05/2019	TO: BK6 - P4 - P11	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Khang - HIẾU	ETA: 11:15
CAM-2			

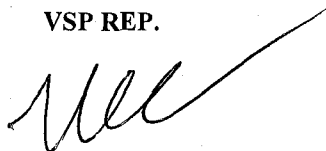
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN SACH DON	BK6	62	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
2	DANG TRONG THAO	BK6	64-65	2	18	20	72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO HOANG NAM	BK6	63	1	11		75	KH-THAC	Vietnamese
4	DOAN KHAC CAN	BK6	66	1	11		64	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN MANH HOANG	P4	55-56	2	17		60	KHI	Vietnamese
6	ĐO VAN THANH	P4	51	1	7		80	CODIEN	Vietnamese
7	LUONG ANH VU	P4	54	1	6		68	CODIEN	Vietnamese
8	LE NGOC HIEP	P4	52-53	2	12		80	CODIEN	Vietnamese
9	PHAM VAN HUAN	P4	49-50	2	15		60	CODIEN	Vietnamese
10	LE DAC NHA	P4	48	1	5		60	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN TRUNG HAI	P11	40	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	LE VIET DUNG	P11	45	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	HUYNH THANH TAM	P11	46-47	2	17		90	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN HAI VIET	P11	44	1	8		87	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG SY NGOC	P11	34	1	5	70	62	KH-THAC	Vietnamese
16	MAI VAN BA	P11	35	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN NAM	P11	41	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN VAN TRI	P11	33	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN CUONG	P11	42-43	2	6		80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN QUANG TAN	P11	39	1	5		60	PSV	Vietnamese
21	NGO VAN THANH	P11	36	1	11		73	PSV	Vietnamese
22	VUONG DUC HUY	P11	37-38	2	18		95	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

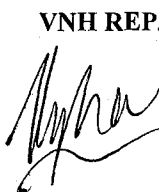
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	4	5	50	271	20	0		
2	P4	6	9	62	408	0	2		
3	P11	12	15	99	895	70	15		
TOTAL		22	29	211	1.574	90	17		
WEIGHT KG				211	1.574	90			

GRAND TOAL: 1.875 KGS

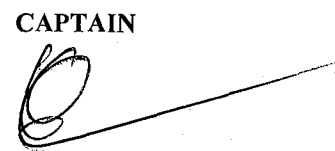
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/05/2019	TO: TD2 - P10 - TD3	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: HUNG - MMinh - THU	ETA: 11:20
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUU LUU	TD2	25	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN DUC TUNG	TD2	21	1	3		53	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN THANH CONG	TD2					64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DINH THANG	TD2	22	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	BELAIEV	TD2	24	1	8		85	KH-THAC	Russian
6	NGUYEN XUAN DONG	TD2	31	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN QUOC KHOI	TD2	29	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
8	VU VIET HUAN	TD2	30	1	13	83	65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TAN PHONG	TD2	27-28	2	12		58	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM THAI SON	TD2	26	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
11	KIM NHAT THANH	TD2	23	1	10		68	CODIEN	Vietnamese
12	VO TIEN PHUNG	TD2	37	1	19		68	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC LAI	TD2	32-34	3	15		72	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYEN KHAC CUONG	TD2	35-36	2	15		72	CODIEN	Vietnamese
15	HOANG VAN PHUONG	TD2	20	1	5		62	PSV	Vietnamese
16	VU VAN TINH	TD2	38	1	7		72	CO DIEN	Vietnamese
17	DANG SU	TD2	39	1	15		78	CO DIEN	Vietnamese
18	LE HOAI THANH	P10	69,71	2	10		66	YTE	Vietnamese
19	NGUYEN HO THIEN TAM	P10	70	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN DUC PHUC	P10	68	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
21	IVANOV	P10	66	1	6		115	KH-THAC	Russian
22	TRAN VAN THANG	P10	67	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	17	20	164	1.171	83	7	1	CHUYEN I PAX TU TD2 SANG TD3
2	P10	5	6	32	381	0	14		
3	TD3	0	0	0	0	5	1		
TOTAL		22	26	196	1.552	88	22		
WEIGHT KG				196	1.552	88			

GRAND TOAL: 1.836 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/05/2019	TO: P10 - CLI	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:00
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Hạnh - DUONG - Vũ	ETA: 13:50
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN BAO LAM	P10	84-85	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN ANH KHOA	P10	87	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN VAN NAM	P10	78	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM DUY QUANG	P10	80	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DINH HAI	P10	83	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	LE NGOC NGUYEN	P10					79	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM HUYNH VU	P10	75	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN THE HANH	P10	88	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TAT THANH	P10	81	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM VAN THUYET	P10	89-90	2	12	30	72	KH-THAC	Vietnamese
11	TRUONG VAN MINH	P10					76	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM NGOC THANH	P10	96	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC TOAN	P10	86	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
14	VU DINH CUONG	P10	92	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TOAN	P10	91	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
16	LE CHI HIEU	P10	74	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN HONG LINH	P10	79	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN CUONG	P10	82	1	4		48	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM HIEU LIEM	P10	76	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN NAM	P10	77	1	5		92	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN NG TRUNG THANH	P10	93	1	10		94	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN VAN MINH	P10	73	1	5		85	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	22	22	117	1.535	30	12		
2	CLI	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		22	22	117	1.535	30	22		
WEIGHT KG				117	1.535	30			

GRAND TOAL: 1.682 KGS

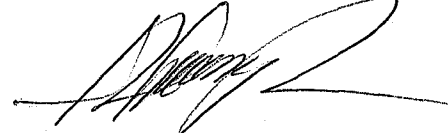
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/05/2019	TO: BK4 - BK3 - P9	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:05
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Khang - MTuấn - HIẾU	ETA: 13:55
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TIẾN DŨNG	BK4	05	1	4	50	75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGO ĐĂNG ĐỨC	BK4					67	KH-THAC	Vietnamese
3	LE BA TUẤN	BK4	04	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TIẾN	BK4	10	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN THỦ	BK4	02	1	6		48	CODIEN	Vietnamese
6	CAO QUANG HÙNG	BK4	01	1	9	16	108	CODIEN	Vietnamese
7	PHẠM XUÂN MẠNH	BK4	03	1	2		65	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC THIỆP	BK3	63	1	5	20	68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU THANH	BK3	64	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM BA BÌNH	BK3	65	1	3		69	PSV	Vietnamese
11	PHẠM XUÂN HÙNG	BK3	72	1	6		75	PSV	Vietnamese
12	TRẦN VĂN BĂNG	P9	95	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN CAO CHÍ	P9	96-97	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	P9	99	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TU THẮNG	P9	91	1	9		61	KH-THAC	Vietnamese
16	LƯU QUANG ĐẠT	P9	93-94	2	15		68	CODIEN	Vietnamese
17	HOÀNG HỮU TRỌNG	P9	92	1	5		70	CODIEN	Vietnamese
18	PHAN HỒNG SƠN	P9	98	1	13	8	65	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	7	6	29	496	66	5		
2	BK3	4	4	23	272	20	4		
3	P9	7	9	63	465	8	7		
TOTAL		18	19	115	1.233	94	16		
WEIGHT KG				115	1.233	94			

GRAND TOAL: 1.442 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN